

**PHÒNG GD-ĐT ĐÔNG HẢI**

**ĐỀ CHÍNH THỨC**  
(Đề gồm 02 trang)

**KIỂM TRA CUỐI KỲ I**  
**NĂM HỌC 2022 - 2023**  
**MÔN ĐỊA LÍ – LỚP 9**  
Thời gian làm bài: 45 phút;  
(không kể thời gian giao đề)

Họ, tên thí sinh: Luu Anh  
Số báo danh: \_\_\_\_\_

**Mã đề thi 247**

**ĐỀ**

**I. TRẮC NGHIỆM (6 điểm)**

*Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án ở mỗi câu hỏi rồi ghi vào phần bài làm ở giấy thi. Ví dụ: Câu 1A, 2C*

**Câu 1:** Ở vùng Bắc Trung Bộ, so với phía nam Hoành Sơn thì phía bắc Hoành Sơn có

- A. khoáng sản ít hơn.                              B. khoáng sản nhiều hơn.  
C. tài nguyên rừng ít hơn.                      D. diện tích đồng bằng nhỏ hơn.

**Câu 2:** Các ngành công nghiệp phát triển mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

- A. Khai khoáng và dệt may.                      B. Khai khoáng và cơ khí.  
C. Khai khoáng và sản xuất hàng tiêu dùng.    D. Khai khoáng và thủy điện.

**Câu 3:** Ở Trung du và miền núi Bắc Bộ so với Tây Bắc thì tiểu vùng Đông Bắc có

- A. thế mạnh kinh tế đa dạng hơn.              B. thế mạnh kinh tế không đa dạng hơn.  
C. thế mạnh kinh tế như nhau.                    D. không có nhiều khoáng sản hơn.

**Câu 4:** Địa hình từ tây sang đông của vùng Bắc Trung Bộ có

- A. gò đồi, núi, đồng bằng.                      B. núi, gò đồi, đồng bằng.  
C. đồng bằng, núi, gò đồi.                      D. núi, đồng bằng, gò đồi.

**Câu 5:** Năm 1999 tỉ suất sinh của dân số nước ta là 19,9 %, tỉ suất tử là 5,6 %, vậy tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta là bao nhiêu?

- A. 1,43 %.                                      B. 14,3 %.                                      C. 0,143 %.                                    D. 1,43 %.

**Câu 6:** Dựa vào Atlat trang 25 và sự hiểu biết của mình cho biết Vịnh Hạ Long thuộc tỉnh nào?

- A. Quảng Nam.                                    B. Quảng Trị.                                    C. Quảng Bình.                                D. Quảng Ninh.

**Câu 7:** Vì sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta giảm, nhưng dân số vẫn tăng nhanh?

- A. Tỉ suất sinh thấp.                            B. Tỉ suất tử thấp.  
C. Quy mô dân số nước ta lớn.                D. Tỉ suất sinh cao.

**Câu 8:** Dân tộc Việt (Kinh) phân bố chủ yếu ở:

- A. Vùng đồi núi và ven biển.                    B. Vùng đồng bằng và miền núi.  
C. Vùng đồng bằng.                                D. Vùng đồng bằng, trung du và ven biển.

**Câu 9:** Điểm nào sau đây *không* đúng với vai trò cây công nghiệp?

- A. Tạo ra sản phẩm có giá trị xuất khẩu.
- B. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
- C.** Tăng thêm nguồn lương thực.
- D. Góp phần bảo vệ môi trường.

**Câu 10:** Tại sao chúng ta vừa khai thác vừa bảo vệ rừng?

- A.** Để phát triển kinh tế và tránh bị cạn kiệt tài nguyên rừng.
- B. Để phát triển kinh tế.
- C. Để điều hòa môi trường sinh thái.
- D. Để tránh bị cạn kiệt tài nguyên rừng.

**Câu 11:** Công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi gồm:

- A. Chế biến thịt, sữa; thực phẩm đông lạnh; sản xuất đường.
- B.** Chế biến thịt, sữa; thực phẩm đông lạnh; đồ hộp.
- C. Chế biến thịt, sữa; thực phẩm đông lạnh; sản xuất rượu, bia.
- D. Chế biến thịt, sữa; thực phẩm đông lạnh; xay xát.

**Câu 12:** Điểm nào sau đây *không* đúng với lao động nước ta?

- A. Chất lượng nguồn lao động đang được nâng cao.
- B. Có khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật.
- C.** Tốt về thể lực và trình độ chuyên môn.
- D. Có kinh nghiệm trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp.

## II. TỰ LUẬN (4 điểm)

**Câu 1. (1,0 điểm):** So sánh điều kiện tự nhiên tiêu vùng Tây Bắc và tiêu vùng Đông Bắc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 2. (2,0 điểm):** Trình bày các nhân tố kinh tế xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp?

**Câu 3. (1,0 điểm):** Dựa vào bảng số liệu sau:

*Diện tích đất nông nghiệp của cả nước và Đồng bằng sông Hồng năm 2002.*

	<b>Đất nông nghiệp (%)</b>
Cả nước	100%
Đồng bằng sông Hồng	9,09%

Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu đất nông nghiệp của Đồng bằng sông Hồng và cả nước năm 2002.

**Chú ý:** Học sinh được sử dụng *Atlat địa lý Việt Nam* khi làm bài.